

Bản án số: 482/2020/DS-ST

Ngày 01-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2020/QĐST-DS ngày 21/10/2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1970; Địa chỉ: 19 Khu A Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Y, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 128/41 đường H, phường T, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: E3/7 đường N, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 007684, quyền số: 08/2019/HĐGD-CCAL ngày 21/8/2019).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1968; Địa chỉ: 19 Khu A Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người làm chứng:* Bà Trương Thị X, sinh năm: 1949; Địa chỉ: 19 Khu A Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 22 tháng 8 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có ông Nguyễn Đức Y làm đại diện trình bày: Vào khoảng tháng 6/2015 ông T có cho ông Nguyễn Minh H (anh ruột) vay số tiền là 860.000.000 (Tám trăm sáu mươi triệu) đồng, lãi suất: 15.600.000 đồng/tháng. Hai bên không thoả thuận thời hạn vay. Việc vay mượn hai bên chỉ thoả thuận bằng miệng, không lập văn bản. Mục đích cho vay theo như ông H nói là mua xe nhưng sau này ông H lấy số tiền đó để cho người khác vay lại. Trong quá trình thực hiện, ông H đã trả cho ông T 02 tháng tiền lãi, cụ thể: 15.600.000 đồng \times 2 = 31.200.000 đồng. Sau đó ông H xin giảm lãi xuống là 13.800.000 đồng/tháng, ông H đã trả được 03 tháng tiền lãi, cụ thể: 13.800.000 đồng \times 3 = 41.400.000 đồng việc trả lãi không có biên bản giao nhận. Tổng số tiền lãi mà ông H đã trả cho ông T là 72.600.000 đồng và đã ngưng trả tiền lãi từ tháng 02/2018 cho đến nay. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ cho ông trong suốt thời gian dài từ năm 2015 cho đến năm 2018 nhưng ông H không trả mà còn nhiều lần chửi bới, xúc phạm, thóa mạ ông T. Việc yêu cầu ông H trả nợ chỉ thông qua hình thức đòi bằng miệng. Dẫn đến chiều ngày 01/9/2018 ông T đã dùng dao chém ông H gây thương tích, bị Toà án nhân dân Quận 8 tuyên phạt 02 năm tù giam về tội cố ý gây thương tích sau đó Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Nguyên nhân do mâu thuẫn việc vay nợ giữa ông T và ông H. Việc ông T cho ông H vay tiền, hai bên không có lập biên nhận vay mượn tiền hay hợp đồng vay mượn tiền; Nhưng đã được ông H xác nhận tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018 do Đội Điều tra Tổng hợp của Công an Quận 8 lấy lời khai và Biên bản phiên toà Hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân Quận 8 ngày 08/5/2019. Nguyên đơn xác nhận là ông H đã trả cho nguyên đơn số tiền là 72.600.000 đồng. Nguyên đơn đồng ý trừ số tiền 72.600.000 đồng vào số tiền nợ gốc. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Minh H trả số tiền 787.400.000 đồng ngay sau khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu ông H trả lãi suất trên số tiền 787.400.000 đồng.

Tại phiên toà nguyên đơn xác nhận lại lời khai và yêu cầu khởi kiện: Tổng số tiền lãi ông T đã nhận của ông H là: 500.400.000 đồng, cụ thể: Tháng 06/2015 và tháng 07/2015 (02 tháng) là: 15.600.000 đồng/tháng \times 2 tháng = 31.200.000 đồng. Từ tháng 08/2015 đến tháng 05/2018 (34 tháng) là: 13.800.000 đồng \times 34 tháng = 469.200.000 đồng. Nay nguyên đơn đồng ý tính lại lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Nguyên đơn đồng ý trừ vào số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định vào số tiền nợ gốc là 860.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Minh H trả số tiền 603.496.000 đồng ngay sau khi bản

án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ ngày ngưng trả lãi là tháng 6/2018 đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai lập ngày 27 tháng 12 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày: Việc ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã vay vào khoảng tháng 6/2015. Ông H xác nhận từ trước đến nay ông H không có vay mượn tiền của ông T do vậy yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông H trả số tiền còn thiếu là 787.400.000 đồng thì ông H không chấp nhận. Ngày 01/9/2018 ông T đã dùng dao chém ông H gây thương tích, bị Toà án nhân dân Quận 8 tuyên phạt 02 năm tù giam về tội cố ý gây thương tích sau đó Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do việc chăm sóc cha mẹ chưa thống nhất. Việc ông H thừa nhận tại cơ quan điều tra là có mượn nợ ông T là do ông H bị ép cung, nếu ông H khai là có vay mượn để dẫn đến tranh chấp thì cơ quan điều tra, Toà án mới giải quyết vụ án ông T gây thương tích với ông H.

Tại bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 20 tháng 8 năm 2020 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án người làm chứng là bà Trương Thị X trình bày: Bà X là mẹ ruột của Nguyễn Minh H và ông Nguyễn Minh T. Vào khoảng đầu năm 2015 ông Nguyễn Minh H có bàn với bà X và Nguyễn Minh T rút tiền từ Ngân hàng ra và tiền tích lũy cho ông Nguyễn Minh H mượn, có lãi suất cao hơn ngân hàng. Ông Nguyễn Minh T đã cho ông Nguyễn Minh H mượn số tiền 860.000.000 (Tám trăm sáu mươi triệu) đồng. Thời điểm năm 2014 bà X cũng đưa cho ông Nguyễn Minh H mượn số tiền là 100.000.000 đồng. Vì là người thân trong gia đình nên chúng tôi không làm hợp đồng hay giấy tờ gì. Ông T và ông H có thoả thuận lãi suất nhưng bà X không nhớ rõ, chính xác là bao nhiêu. Lúc ông H và ông T thoả thuận vay mượn tiền cũng như lúc ông T giao tiền cho ông H đều có bà X chứng kiến vì việc giao nhận tiền tại nhà số 19 Khu A Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh T thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bà Trương Thị X là người làm chứng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét tại phiên tòa: Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018, Biên bản hỏi cung bị can ngày 04/01/2019 và Biên bản hỏi cung bị can ngày 21/01/2019 đối với Nguyễn Minh T tại Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018 và Biên bản ghi lời khai ngày 17/01/2019 đối với Nguyễn Minh H tại Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 08/5/2019, Biên bản phiên tòa hình sự phúc thẩm ngày 23/7/2019; Bản án số 73/2019/HS-ST ngày 08/5/2019 và Bản án số 309/2019/HS-PT ngày 23/7/2019. Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018, Biên bản ghi lời khai ngày 17/01/2019 đối với Nguyễn Minh H tại Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, tại phiên tòa Hình sự sơ thẩm ngày 08/5/2019 (trang 4 – Biên bản phiên tòa HSST), Biên bản phiên tòa hình sự phúc thẩm ngày 23/7/2019 (Bút lục 217 – Biên bản phiên tòa HSPT): Ông Nguyễn Minh H đều thừa nhận có mượn của Nguyễn Minh T số tiền 860.000.000 đồng và trả lãi hàng tháng cho ông Nguyễn Minh T. Như vậy có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Minh H có mượn của ông Nguyễn Minh T số tiền 860.000.000 đồng là sự thật. Do ông Nguyễn Minh H ngưng trả lãi từ tháng 06/2018 nên ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H không chịu trả. Nay ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh H trả nợ là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Xét thời điểm cho vay: Do có sự mâu thuẫn trong lời khai xác định thời điểm vay của các đương sự. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn tại các chứng cứ sau đây cho thấy có sự trùng khớp về việc xác định thời điểm cho vay là tháng 6/2015 như: tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018 đối với Nguyễn Minh H; Biên bản hỏi cung bị can ngày 04/01/2019, ngày 21/01/2019 đối với Nguyễn Minh T, đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh T. Do đó xác định thời điểm vay là tháng 6/2015 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét lãi, lãi suất vay và thời gian ngưng trả lãi:

[6.1] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018, Biên bản ghi lời khai ngày 17/01/2019 đối với Nguyễn Minh H đều có ghi nội dung: “... mỗi tháng tôi trả góp cho T số tiền 15.800.000 đồng, đến tháng 6/2018 tôi không trả lãi cho Thành nữa ...”

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018 đối với Nguyễn Minh T có ghi nội dung: “... mỗi tháng anh H phải trả tiền lãi là 13.8000.000 đồng, vì anh H lấy số tiền trên cho người khác vay. Đến tháng 02/2018 anh H không trả tiền lãi nữa nên tôi đòi lại số tiền trên...”

Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 04/01/2019 đối với Nguyễn Minh T: “... mỗi tháng anh H trả cho tôi tiền lãi là 13.8000.000 đồng cứ như vậy đến tháng 02/2018 thì anh H không đưa tiền lãi nữa...”

Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 21/01/2019 đối với Nguyễn Minh T (tờ 2) có ghi nội dung: “...mỗi tháng anh H sẽ đưa tôi số tiền lãi là 13.8000.000 đồng cứ như vậy đến tháng 02/2018 thì anh Hoàng không đưa nữa...”

Tại phiên toà nguyên đơn thừa nhận tổng số tiền lãi ông T đã nhận của ông H là: 500.400.000 đồng, cụ thể: Tháng 06/2015 và tháng 07/2015 (02 tháng) là: 15.600.000 đồng/tháng x 2 tháng = 31.200.000 đồng. Từ tháng 08/2015 đến tháng 05/2018 (34 tháng) là: 13.800.000 đồng x 34 tháng = 469.200.000 đồng.

Hội đồng xét xử, xét thấy do bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc đã trả nợ, trả góp, trả lãi và đến tháng 6/2018 thì ngưng trả lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của nguyên đơn để xét. Cụ thể là xác định số tiền lãi mà ông T đã nhận của ông H từ tháng 6/2015 đến tháng 5/2018 tổng cộng là 500.400.000 đồng và ông H ngưng trả lãi từ tháng 6/2018.

[6.2] Do lãi, lãi suất các bên thỏa thuận từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2016 cao hơn mức lãi, lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005. Mặt khác, ông T khai tháng 06/2015 và tháng 07/2015 lãi suất mỗi tháng là 15.600.000 đồng, từ tháng 08/2015 cho đến tháng 05/2018 lãi suất mỗi tháng là 13.8000.000 đồng. Còn ông H khai tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018 và ngày 17/01/2019 tại Công an Quận 8 ông trả mỗi tháng cho T số tiền 15.800.000 đồng. Như vậy, các bên có tranh chấp về lãi suất nên Tòa án xác định lãi, lãi suất cho phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự như sau:

Áp dụng khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 để xác định lãi, lãi suất từ tháng 06/2015 đến tháng 12/2016 là lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm là 860.000.000 đồng x 9%/năm x 01 năm 7 tháng = 122.550.000 đồng (1)

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 để xác định lãi, lãi suất từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2018 là 10%/năm là 860.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 05 tháng = 121.346.000 đồng (2).

Tổng cộng (1) + (2) = 243.896.000 đồng

Số tiền lãi ông T đã nhận của ông H vượt quá quy định pháp luật là 500.400.000 đồng - 243.896.000 đồng = 256.504.000 đồng. Nên số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc.

[7] Từ những phân tích trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc còn lại cho ông Nguyễn Minh T là 860.000.000 đồng - 256.504.000 đồng = 603.496.000 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu tính lãi từ ngày ngưng trả lãi cho đến ngày xét xử.

[8] Ông H cho rằng việc ông H thừa nhận tại cơ quan điều tra là có mượn nợ ông T là do ông bị ép cung. Nhưng ông H không có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Tòa án không có cơ sở chấp nhận.

[9] Bà Lê Thị N là vợ của Nguyễn Minh T đã có văn bản xác định số tiền 860.000.000 đồng là khoản tiền riêng của ông Nguyễn Minh T. Ông Nguyễn Minh T xác định việc vay mượn này là giữa cá nhân ông T với ông H nên không yêu cầu bà Nguyễn Kim D cùng ông H trả nợ. Bà Nguyễn Thị D xác nhận là không biết và không liên quan gì đến khoản vay trên. Ông T và ông H đề nghị Tòa án không đưa bà N, bà D tham gia tố tụng trọng vụ án này; Tòa án xét thấy không đưa bà N và bà D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[10] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho ông Nguyễn Minh T; Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Minh T.

2. Buộc ông Nguyễn Minh H phải thanh toán cho ông Nguyễn Minh T số tiền là 603.496.000 (Sáu trăm lẻ ba triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn) đồng

ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận việc ông T không yêu cầu tính lãi từ ngày ngưng trả lãi cho đến ngày xét xử.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.139.840 (Hai mươi tám triệu một trăm ba mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi) đồng.

Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Minh T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.748.000 (Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012260 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn